

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **248/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/7/2024

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Kỳ Phong;

2. Ông Nguyễn Phúc Viễn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy – Kiểm sát viên;

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HN ngày 28/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Lê Minh T**, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp LH, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Trần Thị Cẩm T1**, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp LH, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Cẩm T1 qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QL ngày 08/6/2017. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, do chị T1 có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 13/11/2016 và Lê Thị Bảo N, sinh ngày 04/7/2019. Hiện nay 2 con chung đang sống với chị T1, khi ly hôn anh đồng ý chị T1 được tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng cho 02 con.

Về T sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn chị Trần Thị Cẩm T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản ghi ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của anh T.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về T1 thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do anh T xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T1 không chăm lo gia đình, ngoại tình, hiện anh T không còn tình cảm, chị T1 không có văn bản hay ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh T nên đề nghị Tòa cho anh T được ly hôn;

Về con chung: Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và sự ổn định cho 02 cháu T2 và cháu N nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị T1 tiếp tục nuôi, anh T không cấp dưỡng do chị T1 không có yêu cầu.

Về T sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các T liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của anh T tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Minh T và chị Trần Thị Cẩm T1 qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QL vào ngày 08/6/2017 chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] **Về tố tụng:** Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt, Bị đơn chị Trần Thị Cẩm T1 đã được triệu tập hợp lệ xét xử, nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân anh T xin ly hôn là do phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, anh T khai do chị T1 không chăm lo gia đình, ngoại tình với người đàn ông khác bên ngoài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu xin ly hôn để ổn định cuộc sống là có căn cứ. Bởi lẽ, chị T1 được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, điều đó cho thấy chị T1 không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên cần xem xét cho anh T ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] **Về con chung:** Có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 13/11/2016 và Lê Thị Bảo N, sinh ngày 04/7/2019. Hiện nay 2 con chung đang sống với chị T1, khi ly hôn anh đồng ý chị T1 được tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng cho 02 con. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh T yêu cầu chị T1 tiếp tục nuôi con chung, chị T1 không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì, nên cần giữ ổn định cho 02 cháu về nơi ở, về việc tiện cho học tập và các mặt sinh hoạt khác nên giao cho chị T1 tiếp tục nuôi 02 con chung là phù hợp. Chị T1 không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét. Chị T1 nuôi con chung, anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] **Về T sản chung:** Không có.

[6] **Về nợ chung:** Không có.

[7] **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[8] **Về quyền kháng cáo:** Anh T và chị T1 có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức T1, miễn, giảm, T1 nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Minh T đối với chị Trần Thị Cẩm T1.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Minh T được ly hôn với chị Trần Thị Cẩm T1;

1.2. *Về con chung:* Giao 02 con chung Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 13/11/2016 và Lê Thị Bảo N, sinh ngày 04/7/2019 cho chị T1 được tiếp tục nuôi anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

1.3. *Về T sản chung:* Không có;

1.4. *Về nợ chung:* Không có.

2. *Về án phí:* Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0007208 ngày 30/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. *Quyền kháng cáo:* Anh T và chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã QL;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Mỹ Lil